



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 4, Tòa nhà H3, số 384 Hoàng Diệu, P.6, Q.4, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84 9) 3 911 1301 Fax: (84 8) 3 911 1300 Website: http://www.pvtrans.com

Mẫu số B 02-DN/HN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 4 NĂM 2010

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th minh	Quý báo cáo		Lũy kế đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	762,665,935,441	605,314,639,329	2,291,901,795,731	1,122,191,850,804
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		762,665,935,441	605,314,639,329	2,291,901,795,731	1,122,191,850,804
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	761,827,171,836	547,377,508,211	2,083,988,672,765	1,015,291,741,131
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		838,763,605	57,937,131,118	207,913,122,966	106,900,109,673
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	72,595,552,869	11,902,766,208	119,302,666,100	40,946,292,382
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	62,998,185,848	47,394,184,540	161,376,053,598	67,638,427,404
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		10,061,876,421	18,850,141,215	37,490,223,333	31,575,048,102
8. Chi phí bán hàng	24		18,571,767,635		18,571,767,635	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6,562,725,811	12,627,672,202	38,319,818,047	37,111,866,657
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh:	30		(14,698,362,820)	9,818,040,584	108,948,149,786	43,096,107,994
11. Thu nhập khác	31		202,423,377,467	11,006,067,111	205,618,048,297	11,160,288,999
12. Chi phí khác	32		202,423,372,355		203,037,182,938	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5,112	11,006,067,111	2,580,865,359	11,160,288,999
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(14,698,357,708)	20,824,107,695	111,529,015,145	54,256,396,993
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	(3,531,624,161)	2,170,326,382	25,632,856,553	9,163,206,207
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32	(130,965,267)	2,427,962,385	(130,965,267)	2,427,962,385
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(11,035,768,280)	16,225,818,928	86,027,123,859	42,665,228,401
Trong đó: Cổ đông thiểu số	61					
Cổ đông Công ty mẹ	62		(11,035,768,280)	16,225,818,928	86,027,123,859	42,665,228,401
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(48)	110	373	289

Lập, Ngày 25 tháng 1 Năm 2011

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Đình Hiếu

Nguyễn Thị Kim Anh



KQKD 1

Phạm Việt Anh